

NĂNG LỰC ĐỔI MỚI SÁNG TẠO CỦA DOANH NGHIỆP TRONG BỐI CẢNH CHUYỂN ĐỔI SỐ: THỰC TRẠNG VÀ HÀM Ý CHÍNH SÁCH

● NGUYỄN NGỌC ANH

Trường Đại học Thương mại

TÓM TẮT:

Bài viết phân tích cơ sở lý luận về chuyển đổi số và năng lực đổi mới sáng tạo, đồng thời đánh giá thực trạng năng lực đổi mới sáng tạo của doanh nghiệp Việt Nam trong bối cảnh kinh tế số. Kết quả cho thấy, hệ sinh thái đổi mới sáng tạo tại Việt Nam đã có những cải thiện đáng kể. Tuy nhiên, mức đầu tư cho nghiên cứu và phát triển (R&D) còn thấp, tỷ lệ doanh nghiệp tham gia đổi mới sáng tạo chưa cao và quá trình chuyển đổi số vẫn chưa đồng đều. Trên cơ sở đó, bài viết đề xuất một số hàm ý chính sách như hoàn thiện thể chế hỗ trợ đổi mới sáng tạo, thúc đẩy đầu tư cho khoa học - công nghệ, đẩy mạnh chuyển đổi số trong doanh nghiệp và phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao nhằm nâng cao năng lực cạnh tranh của doanh nghiệp trong nền kinh tế số.

Từ khóa: năng lực đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số, doanh nghiệp.

1. Đặt vấn đề

Trong bối cảnh toàn cầu hóa và cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư, công nghệ số đang trở thành động lực quan trọng thúc đẩy tăng trưởng kinh tế và tái cấu trúc mô hình sản xuất - kinh doanh của doanh nghiệp. Quá trình ứng dụng các công nghệ số như trí tuệ nhân tạo, dữ liệu lớn, điện toán đám mây và internet vạn vật đã thay đổi sâu sắc phương thức vận hành của nền kinh tế, đồng thời mở ra những cơ hội mới cho doanh nghiệp trong việc nâng cao năng suất, cải tiến sản phẩm và mở rộng thị trường. Trong xu thế đó, chuyển đổi số trở thành chiến lược quan trọng giúp doanh nghiệp nâng cao khả năng thích ứng và tạo lợi thế cạnh tranh trong môi trường kinh doanh ngày càng biến động. Tại Việt Nam, chuyển

đổi số đang được xác định là một trong những động lực quan trọng thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội. Theo Bộ Thông tin và Truyền thông, tỷ trọng kinh tế số năm 2024 ước đạt 18,3% GDP, tốc độ tăng trưởng vượt 20%/năm, cao gấp 3 lần tốc độ tăng trưởng GDP, nhanh nhất Đông Nam Á (Hà Văn, 2025). Đồng thời, cơ sở hạ tầng số cũng được cải thiện mạnh mẽ khi hơn 82% hộ gia đình đã sử dụng internet cáp quang và công nghệ 5G bắt đầu được triển khai thương mại, tạo nền tảng quan trọng cho việc phát triển các ứng dụng công nghệ số và mô hình kinh doanh mới.

Song song với quá trình chuyển đổi số, đổi mới sáng tạo ngày càng được xem là yếu tố then chốt giúp doanh nghiệp nâng cao năng lực cạnh tranh

trong nền kinh tế tri thức. Theo báo cáo của Chỉ số đổi mới sáng tạo toàn cầu (Global Innovation Index), Việt Nam hiện xếp 44/133 nền kinh tế trong năm 2024 (WIPO, 2024), thuộc nhóm các quốc gia có thành tích đổi mới sáng tạo vượt mức so với trình độ phát triển kinh tế. Bên cạnh đó, Việt Nam cũng được đánh giá là một trong những quốc gia cải thiện nhanh nhất về năng lực đổi mới sáng tạo trong hơn một thập kỷ qua, khi tăng hơn 30 bậc trên bảng xếp hạng toàn cầu kể từ năm 2013.

Mặc dù đạt được nhiều kết quả tích cực, năng lực đổi mới sáng tạo của các doanh nghiệp Việt Nam vẫn còn một số hạn chế. Theo Bộ Khoa học và Công nghệ, 84,1% nhân lực cho lĩnh vực R&D của Việt Nam làm việc trong khu vực nhà nước, chỉ 13,8% thuộc khu vực tư nhân và 2,1% trong doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài (Nguyễn Hà, 2025).

Điều này cho thấy, việc thúc đẩy năng lực đổi mới sáng tạo của doanh nghiệp trong bối cảnh chuyển đổi số là vấn đề quan trọng nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động và khả năng tham gia vào chuỗi giá trị toàn cầu. Xuất phát từ thực tiễn đó, bài viết tập trung phân tích thực trạng năng lực đổi mới sáng tạo của doanh nghiệp trong bối cảnh chuyển đổi số tại Việt Nam, đồng thời đề xuất một số hàm ý chính sách nhằm thúc đẩy quá trình đổi mới sáng tạo và nâng cao năng lực cạnh tranh của doanh nghiệp trong giai đoạn tới.

2. Cơ sở lý luận

2.1. Khái niệm chuyển đổi số

Trong bối cảnh Cách mạng công nghiệp lần thứ tư, chuyển đổi số (Digital transformation) trở thành một xu hướng quan trọng trong quá trình phát triển của doanh nghiệp và nền kinh tế. Khái niệm này được sử dụng rộng rãi trong nghiên cứu quản trị và hệ thống thông tin nhằm mô tả quá trình doanh nghiệp ứng dụng công nghệ số để thay đổi mô hình kinh doanh và phương thức tạo ra giá trị.

Theo Gregory Vial (2019), chuyển đổi số được định nghĩa là “quá trình nhằm cải thiện một tổ chức thông qua việc tạo ra những thay đổi đáng kể đối với các thuộc tính của tổ chức bằng cách kết hợp các công nghệ thông tin, tính toán, truyền thông và kết nối”. Định nghĩa này được xây dựng dựa trên tổng hợp từ 282 công trình nghiên cứu trong lĩnh vực hệ

thống thông tin chiến lược, do đó được xem là một trong những khung khái niệm toàn diện nhất về chuyển đổi số trong nghiên cứu học thuật hiện nay. Các nghiên cứu khác cũng cho thấy, chuyển đổi số không chỉ đơn thuần là việc áp dụng công nghệ thông tin mà còn bao gồm sự thay đổi toàn diện về chiến lược, quy trình kinh doanh, mô hình tổ chức và văn hóa doanh nghiệp (Verhoef và cộng sự 2021, Kraus và cộng sự 2021).

Trong thực tiễn doanh nghiệp, quá trình chuyển đổi số thường gắn liền với việc ứng dụng các công nghệ mới như trí tuệ nhân tạo (AI), dữ liệu lớn (Big Data), điện toán đám mây (Cloud Computing) và internet vạn vật (IoT), qua đó giúp doanh nghiệp tối ưu hóa quy trình hoạt động, nâng cao khả năng phân tích dữ liệu và cải thiện hiệu quả ra quyết định. Những công nghệ này đang trở thành nền tảng quan trọng giúp doanh nghiệp đổi mới mô hình kinh doanh và nâng cao năng lực cạnh tranh trong nền kinh tế số.

2.2. Khái niệm năng lực đổi mới sáng tạo

Trong bối cảnh pháp lý tại Việt Nam, khoản 16 Điều 3 của Luật Khoa học và Công nghệ năm 2013 định nghĩa đổi mới sáng tạo là việc tạo ra và ứng dụng các thành tựu khoa học, giải pháp kỹ thuật, công nghệ hoặc phương thức quản lý nhằm nâng cao hiệu quả phát triển kinh tế - xã hội, đồng thời cải thiện năng suất, chất lượng và giá trị gia tăng của sản phẩm, hàng hóa.

Từ khái niệm đổi mới sáng tạo, năng lực đổi mới sáng tạo của doanh nghiệp được tiếp cận dưới nhiều góc độ khác nhau trong các nghiên cứu học thuật. Theo Chen (2009), năng lực đổi mới sáng tạo phản ánh khả năng của doanh nghiệp trong việc vận hành các quy trình, hệ thống và cơ cấu tổ chức nhằm hỗ trợ và triển khai các hoạt động đổi mới, đặc biệt là đổi mới sản phẩm và quy trình. Từ góc độ công nghệ, Romijn và Albaladejo (2002) nhấn mạnh năng lực này thể hiện ở khả năng tiếp thu, làm chủ và cải tiến các công nghệ hiện có, đồng thời phát triển các công nghệ mới.

Một cách tiếp cận toàn diện hơn được đề xuất bởi Ngo và O’Cass (2009), theo đó năng lực đổi mới sáng tạo là khả năng huy động và phối hợp các nguồn lực, tri thức và kỹ năng của doanh nghiệp để

tạo ra cả các đổi mới kỹ thuật (sản phẩm, dịch vụ, quy trình) và đổi mới phi kỹ thuật (quản lý, marketing và thị trường). Nhiều nghiên cứu cũng nhấn mạnh vai trò của tri thức và nguồn lực trí tuệ trong việc hình thành năng lực đổi mới sáng tạo. Theo Alegre và Lapiedra (2005) và Subramaniam và Youndt (2005), khả năng tích lũy và khai thác hiệu quả tri thức và tài sản trí tuệ có ý nghĩa quyết định đối với quá trình đổi mới của doanh nghiệp. Cakar và Erturk (2010) cho biết, năng lực đổi mới sáng tạo thể hiện ở khả năng huy động tri thức và năng lực sáng tạo của nguồn nhân lực để tạo ra tri thức mới và phát triển sản phẩm hoặc quy trình mới.

Ở góc độ khái quát, theo hướng dẫn của OECD trong Oslo Manual 2018, đổi mới được hiểu là việc triển khai một sản phẩm hoặc quy trình mới hoặc được cải tiến đáng kể và được đưa vào sử dụng trong thực tiễn. Từ cách tiếp cận này, năng lực đổi mới sáng tạo có thể được hiểu là khả năng của doanh nghiệp trong việc huy động và kết hợp các nguồn lực, tri thức và năng lực tổ chức nhằm triển khai hiệu quả các hoạt động đổi mới, qua đó tạo ra các sản phẩm, quy trình hoặc mô hình kinh doanh mới và nâng cao lợi thế cạnh tranh.

Một trong những khung lý thuyết được sử dụng rộng rãi để phân tích năng lực đổi mới sáng tạo của doanh nghiệp là mô hình của Wang và Ahmed (2004). Theo đó, năng lực đổi mới sáng tạo của tổ chức là khả năng tổng thể của doanh nghiệp trong việc đưa ra các ý tưởng mới, phát triển sản phẩm mới và khai thác các cơ hội thị trường thông qua sự kết hợp giữa định hướng chiến lược, hành vi đổi mới và các quy trình tổ chức. Khung phân tích này cho thấy, năng lực đổi mới sáng tạo của doanh nghiệp có thể được phản ánh thông qua 5 khía cạnh chủ yếu, bao gồm: Đổi mới sản phẩm (Product innovativeness), Đổi mới thị trường (Market innovativeness), Đổi mới quy trình (Process innovativeness), Đổi mới hành vi (Behavioural innovativeness), Đổi mới chiến lược (Strategic innovativeness). 5 khía cạnh này phản ánh cả yếu tố nội bộ của tổ chức (văn hóa, quy trình, chiến lược) và yếu tố hướng ra thị trường (sản phẩm, thị trường), qua đó tạo nên năng lực tổng thể giúp doanh nghiệp duy trì và phát triển các hoạt động đổi

mới sáng tạo. Các yếu tố cấu thành năng lực đổi mới sáng tạo ngày càng gắn chặt với việc ứng dụng công nghệ số, khai thác dữ liệu và phát triển năng lực công nghệ của doanh nghiệp.

2.3. Vai trò của năng lực đổi mới sáng tạo trong bối cảnh chuyển đổi số

Trong bối cảnh cạnh tranh ngày càng gay gắt và sự phát triển nhanh chóng của công nghệ số, đổi mới sáng tạo ngày càng được xem là yếu tố then chốt quyết định khả năng phát triển của doanh nghiệp. Theo Deborah Dougherty và Cynthia Hardy (1996) cũng như James M. Utterback (1994), đổi mới sáng tạo là động lực quan trọng giúp doanh nghiệp duy trì và củng cố lợi thế cạnh tranh. Tuy nhiên, quá trình này thường phức tạp và tiềm ẩn nhiều rủi ro trong việc quản trị và triển khai các ý tưởng sáng tạo. Trong bối cảnh mới, Luminița Ionescu và Valentin Dumitru (2015) cho rằng năng lực đổi mới sáng tạo đã trở thành nền tảng cốt lõi tạo ra lợi thế cạnh tranh của doanh nghiệp. Trước yêu cầu ngày càng cao và đa dạng của thị trường, doanh nghiệp cần liên tục thúc đẩy đổi mới sáng tạo để nâng cao năng lực thích ứng và duy trì vị thế cạnh tranh.

Thứ nhất, năng lực đổi mới sáng tạo giúp doanh nghiệp khai thác hiệu quả các công nghệ số để phát triển sản phẩm và dịch vụ mới. Sự phát triển của các công nghệ như trí tuệ nhân tạo, dữ liệu lớn hay điện toán đám mây tạo điều kiện cho doanh nghiệp thiết kế các sản phẩm thông minh, cá nhân hóa và có giá trị gia tăng cao hơn. Doanh nghiệp có năng lực đổi mới sáng tạo mạnh thường có khả năng kết hợp tri thức công nghệ với nhu cầu thị trường để nhanh chóng đưa ra các giải pháp mới, qua đó nâng cao năng lực cạnh tranh.

Thứ hai, năng lực đổi mới sáng tạo đóng vai trò quan trọng trong việc cải tiến quy trình và nâng cao hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp. Chuyển đổi số cho phép tự động hóa nhiều quy trình sản xuất và quản trị, đồng thời tạo điều kiện cho doanh nghiệp tối ưu hóa chuỗi cung ứng và nâng cao hiệu quả sử dụng nguồn lực. Những doanh nghiệp có năng lực đổi mới cao thường chủ động ứng dụng công nghệ để tái thiết kế quy trình, nâng cao năng suất lao động và giảm chi phí vận hành.

Thứ ba, năng lực đổi mới sáng tạo giúp doanh

ngành tái cấu trúc chiến lược và mô hình kinh doanh trong môi trường số. Sự phát triển của nền kinh tế số đã tạo ra nhiều mô hình kinh doanh mới dựa trên nền tảng công nghệ, dữ liệu và hệ sinh thái số. Doanh nghiệp có năng lực đổi mới sáng tạo sẽ có khả năng nhận diện sớm các cơ hội thị trường, xây dựng các chiến lược kinh doanh linh hoạt và khai thác hiệu quả các nền tảng số để mở rộng thị trường. Đồng thời, năng lực này cũng góp phần hình thành môi trường tổ chức khuyến khích thử nghiệm, chấp nhận rủi ro và học hỏi liên tục, qua đó nâng cao khả năng thích ứng của doanh nghiệp trước những thay đổi nhanh chóng của công nghệ và thị trường.

Như vậy, trong bối cảnh chuyển đổi số, năng lực đổi mới sáng tạo không chỉ là yếu tố thúc đẩy hoạt động nghiên cứu và phát triển mà còn là nền tảng quan trọng giúp doanh nghiệp tận dụng công nghệ số, nâng cao hiệu quả hoạt động và xây dựng lợi thế cạnh tranh bền vững. Do đó, việc nâng cao năng lực đổi mới sáng tạo của doanh nghiệp đang trở thành yêu cầu cấp thiết đối với các nền kinh tế đang phát triển, trong đó có Việt Nam.

3. Thực trạng năng lực đổi mới sáng tạo của doanh nghiệp Việt Nam trong bối cảnh chuyển đổi số

Trong những năm gần đây, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số ngày càng được xác định là những động lực quan trọng thúc đẩy tăng trưởng kinh tế tại Việt Nam. Nội dung này đã được lồng ghép ngày càng rõ nét trong nhiều văn kiện phát triển quan trọng như Nghị quyết Đại hội XIII của Đảng và Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội giai đoạn 2021-2030, trong đó nhấn mạnh vai trò của khoa học - công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số trong quá trình chuyển đổi mô hình tăng trưởng theo hướng dựa trên tri thức và công nghệ. Bên cạnh đó, các chính sách như Nghị quyết số 80-NQ/TW của Bộ Chính trị về phát triển văn hóa trong kỷ nguyên mới hay Quyết định số 2486/QĐ-TTg phê duyệt Chiến lược phát triển các ngành công nghiệp văn hóa đến năm 2030, tầm nhìn 2045 đã từng bước khẳng định vai trò của đổi mới sáng tạo trong định hướng phát triển kinh tế quốc gia.

Hệ sinh thái đổi mới sáng tạo của Việt Nam đang từng bước được hình thành và phát triển. Theo Bộ

Khoa học và Công nghệ, đến năm 2025 Việt Nam có hơn 75.000 doanh nghiệp công nghệ số, khoảng 940 doanh nghiệp khoa học và công nghệ và gần 4.000 doanh nghiệp khởi nghiệp đổi mới sáng tạo. Đồng thời, mạng lưới hỗ trợ đổi mới sáng tạo ngày càng mở rộng với sự tham gia của nhiều quỹ đầu tư, vườn ươm doanh nghiệp và các tổ chức thúc đẩy kinh doanh, tạo điều kiện cho doanh nghiệp tiếp cận nguồn vốn, tri thức công nghệ và các nguồn lực hỗ trợ.

Ở góc độ quốc tế, năng lực đổi mới sáng tạo của Việt Nam cũng ghi nhận những cải thiện đáng kể trong thời gian gần đây. Theo báo cáo từ Chỉ số đổi mới sáng tạo toàn cầu (GII) năm 2025 do Tổ chức Sở hữu Trí tuệ Thế giới (WIPO) công bố, Việt Nam xếp thứ 44 trong số 139 quốc gia và nền kinh tế, duy trì vị trí trong nhóm các quốc gia có thu nhập trung bình đạt thành tích tốt về đổi mới sáng tạo và đứng thứ ba trong khu vực ASEAN, sau Singapore và Malaysia. Kết quả này phản ánh những tiến bộ của Việt Nam trong các lĩnh vực như thể chế, nguồn nhân lực, phát triển công nghệ và mức độ ứng dụng khoa học - công nghệ trong nền kinh tế.

Một yếu tố quan trọng của hệ sinh thái đổi mới sáng tạo là hoạt động sở hữu trí tuệ. Theo thống kê của Bộ Khoa học và Công nghệ, năm 2025 Việt Nam tiếp nhận khoảng 183.700 đơn đăng ký quyền sở hữu công nghiệp, tăng 20,4% so với năm 2024; số đơn được xử lý đạt khoảng 249.854 đơn, tăng 74,4%; và khoảng 83.000 văn bằng bảo hộ được cấp, tăng 54,6%. Những số liệu này cho thấy, nhận thức của doanh nghiệp và xã hội về bảo hộ tài sản trí tuệ ngày càng được nâng cao, góp phần thúc đẩy đổi mới sáng tạo và thương mại hóa tri thức.

Tuy nhiên, xét về nguồn lực đầu tư, mức chi cho nghiên cứu và phát triển (R&D) của Việt Nam vẫn còn khá thấp so với nhiều quốc gia trong khu vực. Theo thống kê của World Bank, tỷ lệ chi cho R&D trên GDP tăng từ khoảng 0,30% năm 2013 lên 0,43% năm 2021, song vẫn thấp hơn đáng kể so với mức 2-4% GDP của nhiều nền kinh tế phát triển. Hơn nữa, phần lớn hoạt động R&D vẫn tập trung ở khu vực nhà nước và các viện nghiên cứu, trong khi sự tham gia của khu vực doanh nghiệp còn hạn chế.

Thực tế cho thấy, mức độ lan tỏa của đổi mới

sáng tạo trong khu vực doanh nghiệp Việt Nam vẫn chưa cao. Tỷ lệ doanh nghiệp có triển khai các hoạt động đổi mới sáng tạo năm 2025 chỉ đạt khoảng 34,6% (Bộ Khoa học và Công nghệ, 2025). Phần lớn các hoạt động đổi mới chủ yếu mang tính cải tiến gia tăng đối với sản phẩm hoặc quy trình, trong khi các đổi mới mang tính đột phá dựa trên công nghệ lõi còn hạn chế. Bên cạnh đó, quá trình chuyển đổi số trong doanh nghiệp đang diễn ra nhưng chưa đồng đều.

Mặc dù Việt Nam có những lợi thế đáng kể về hạ tầng số, việc khai thác các công nghệ số tiên tiến trong doanh nghiệp vẫn chưa phổ biến. Tỷ lệ phủ sóng 4G đạt gần 99,8% dân số và khoảng 80% hộ gia đình sử dụng cáp quang, tạo điều kiện thuận lợi cho sự phát triển của kinh tế số. Tuy nhiên, việc ứng dụng các công nghệ như trí tuệ nhân tạo, dữ liệu lớn hay Internet vạn vật trong hoạt động sản xuất - kinh doanh vẫn còn ở giai đoạn đầu, đặc biệt đối với các doanh nghiệp nhỏ và vừa.

Nhìn chung, năng lực đổi mới sáng tạo của doanh nghiệp Việt Nam đã có những bước tiến nhất định trong bối cảnh chuyển đổi số, thể hiện qua sự cải thiện của môi trường đổi mới sáng tạo, sự phát triển của hệ sinh thái khởi nghiệp và vị thế ngày càng được nâng cao của Việt Nam trong các bảng xếp hạng quốc tế. Dù vậy, mức độ đầu tư cho nghiên cứu và phát triển (R&D) vẫn còn hạn chế, tỷ lệ doanh nghiệp tham gia vào các hoạt động đổi mới sáng tạo chưa cao và quá trình chuyển đổi số diễn ra chưa đồng đều giữa các doanh nghiệp. Những hạn chế này cho thấy, việc nâng cao năng lực đổi mới sáng tạo của doanh nghiệp cần được xem là một trong những ưu tiên quan trọng nhằm thúc đẩy mô hình tăng trưởng kinh tế dựa trên tri thức và công nghệ trong thời gian tới.

4. Hàm ý chính sách nhằm nâng cao năng lực đổi mới sáng tạo của doanh nghiệp trong bối cảnh chuyển đổi số

Từ những phân tích về thực trạng năng lực đổi mới sáng tạo của doanh nghiệp Việt Nam trong bối cảnh chuyển đổi số, có thể thấy mặc dù môi trường đổi mới sáng tạo quốc gia đã có những cải thiện đáng kể, song mức độ đổi mới sáng tạo trong khu vực doanh nghiệp vẫn còn hạn chế. Do đó, nâng cao

năng lực đổi mới sáng tạo của doanh nghiệp cần được xem là một trong những ưu tiên quan trọng trong quá trình phát triển kinh tế số. Để đạt được mục tiêu này, cần triển khai đồng bộ một số nhóm giải pháp sau.

Thứ nhất, tiếp tục hoàn thiện và đồng bộ hoá khung thể chế và chính sách hỗ trợ đổi mới sáng tạo nhằm tạo môi trường thuận lợi cho doanh nghiệp đầu tư vào nghiên cứu, phát triển và ứng dụng công nghệ mới. Nhà nước cần xây dựng các chính sách khuyến khích doanh nghiệp tăng cường đầu tư cho hoạt động R&D, thông qua các cơ chế ưu đãi thuế, hỗ trợ tài chính và thúc đẩy hợp tác giữa doanh nghiệp với các viện nghiên cứu và trường đại học. Đồng thời, tăng cường sự phối hợp liên ngành nhằm xây dựng hệ thống chính sách thống nhất, minh bạch và dễ tiếp cận hơn. Hình thành một đầu mối quốc gia có vai trò tổng hợp, kết nối và cập nhật đầy đủ các chính sách liên quan đến đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số, qua đó giúp doanh nghiệp thuận lợi hơn trong việc tiếp cận các nguồn lực hỗ trợ.

Thứ hai, tăng cường đầu tư cho khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo, trong đó chú trọng thúc đẩy vai trò của khu vực doanh nghiệp trong hệ thống đổi mới sáng tạo quốc gia. Theo khuyến nghị của World Bank, nâng cao tỷ lệ chi cho R&D là yếu tố quan trọng để cải thiện năng lực đổi mới sáng tạo của nền kinh tế. Vì vậy, cần khuyến khích doanh nghiệp giữ vai trò trung tâm trong hoạt động đổi mới sáng tạo, đồng thời thúc đẩy liên kết giữa doanh nghiệp, viện nghiên cứu và trường đại học nhằm hình thành hệ sinh thái đổi mới sáng tạo hiệu quả.

Thứ ba, thúc đẩy quá trình chuyển đổi số trong doanh nghiệp gắn với hoạt động đổi mới sáng tạo. Chuyển đổi số không chỉ đơn thuần là việc ứng dụng công nghệ số mà còn đòi hỏi doanh nghiệp phải thay đổi mô hình kinh doanh, phương thức quản trị và cách thức tạo ra giá trị. Do đó, cần triển khai các chương trình hỗ trợ doanh nghiệp tiếp cận và ứng dụng các công nghệ số như trí tuệ nhân tạo, dữ liệu lớn và điện toán đám mây, đồng thời xây dựng các nền tảng số dùng chung nhằm hỗ trợ doanh nghiệp, đặc biệt là doanh nghiệp nhỏ và vừa, trong quá trình số hóa hoạt động sản xuất - kinh doanh.

Thứ tư, phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao

cho đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số. Nguồn nhân lực có kỹ năng số và năng lực sáng tạo đóng vai trò then chốt trong việc thúc đẩy đổi mới sáng tạo trong doanh nghiệp. Việc thúc đẩy đổi mới sáng tạo không chỉ phụ thuộc vào chính sách mà còn cần sự liên kết chặt chẽ giữa doanh nghiệp, viện nghiên cứu, trường đại học và các tổ chức hỗ trợ. Do đó, cần tăng cường các cơ chế thu hút và phát huy nguồn lực tri thức, đặc biệt là đội ngũ chuyên gia và nhà khoa học trong và ngoài nước. Việc xây dựng các nền tảng chia sẻ thông tin, sáng kiến và kết nối tri thức sẽ góp phần thúc đẩy quá trình hình thành các ý tưởng đổi mới, mở rộng khả năng tiếp cận vốn đầu tư và các nguồn lực công nghệ.

Thứ năm, tiếp tục hoàn thiện hệ sinh thái đổi mới sáng tạo quốc gia nhằm tạo điều kiện cho doanh nghiệp tiếp cận các nguồn lực hỗ trợ đổi mới. Điều này bao gồm việc mở rộng mạng lưới vườn ươm doanh nghiệp, trung tâm đổi mới sáng tạo, quỹ đầu tư mạo hiểm và các tổ chức hỗ trợ khởi nghiệp, đồng thời thúc đẩy hợp tác quốc tế trong khoa học - công nghệ và đổi mới sáng tạo để giúp doanh nghiệp tiếp cận tri thức, công nghệ và thị trường mới.

5. Kết luận

Trong bối cảnh chuyển đổi số diễn ra mạnh mẽ, năng lực đổi mới sáng tạo ngày càng trở thành yếu tố quan trọng quyết định khả năng cạnh tranh và phát triển bền vững của doanh nghiệp. Trên cơ sở tổng hợp các nghiên cứu lý luận và phân tích thực trạng tại Việt Nam, bài viết đã làm rõ vai trò của năng lực đổi mới sáng tạo cũng như mối liên hệ giữa đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số trong hoạt động của doanh nghiệp.

Thực tế cho thấy, môi trường đổi mới sáng tạo tại Việt Nam đã có những cải thiện nhất định, thể hiện qua sự phát triển của hệ sinh thái khởi nghiệp và sự gia tăng của các doanh nghiệp công nghệ số. Tuy vậy, mức đầu tư cho nghiên cứu và phát triển còn thấp, tỷ lệ doanh nghiệp tham gia đổi mới sáng tạo chưa cao và quá trình chuyển đổi số vẫn diễn ra chưa đồng đều.

Trên cơ sở đó, việc hoàn thiện thể chế, thúc đẩy đầu tư cho R&D, tăng cường ứng dụng công nghệ số và phát triển nguồn nhân lực được xem là những định hướng quan trọng nhằm nâng cao năng lực đổi mới sáng tạo của doanh nghiệp trong thời gian tới ■

TÀI LIỆU THAM KHẢO:

- Bộ Khoa học và Công nghệ. (2025). Digital transformation and digital economy: New growth drivers for 2025. <https://english.mst.gov.vn/digital-transformation-digital-economy-new-growth-drivers-for-2025-197250214110017898.htm>
- Hà Văn (2025). Kinh tế số Việt Nam tăng trưởng nhanh nhất khu vực. Báo điện tử Chính phủ. Truy cập tại <https://baohinhphu.vn/kinh-te-so-viet-nam-tang-truong-nhanh-nhat-khu-vuc-102250206152332651.htm>
- Tổ chức Sở hữu trí tuệ thế giới, WIPO (2024). Báo cáo Chỉ số Đổi mới sáng tạo toàn cầu (Global Innovation Index - GII) 2024.
- Tổ chức Sở hữu trí tuệ thế giới - WIPO (2025). Báo cáo Chỉ số Đổi mới sáng tạo toàn cầu (Global Innovation Index - GII) 2025.
- Nguyễn Hà (2025). Hợp lực "ba nhà" - lời giải của bài toán đầu tư cho R&D. Báo Nhân dân điện tử.
- MK Peter (2020). ScienceDirect. <https://www.sciencedirect.com/science/article/pii/S1755425X20000213>
- Barney, J. (1991). Firm resources and sustained competitive advantage. *Journal of Management*, 17(1), 99-120. <https://doi.org/10.1177/014920639101700108>
- Calantone, R. J., Cavusgil, S. T., & Zhao, Y. (2002). Learning orientation, firm innovation capability, and firm performance. *Industrial Marketing Management*, 31(6), 515-524. [https://doi.org/10.1016/S0019-8501\(01\)00203-6](https://doi.org/10.1016/S0019-8501(01)00203-6).
- Dougherty, D., & Hardy, C. (1996). Sustained product innovation in large, mature organizations: Overcoming innovation-to-organization problems. *Academy of Management Journal*, 39(5), 1120-1153.

- Ionescu, A., & Dumitru, N. R. (2015). The role of innovation in creating the company's competitive advantage. *Ecoforum Journal*, 4(1), 99-104.
- Kraus, S., Jones, P., Kailer, N., Weinmann, A., Chaparro-Banegas, N., & Roig-Tierno, N. (2021). Digital transformation: An overview of the current state of the art of research. *SAGE Open*, 11(3), 1-15. <https://doi.org/10.1177/21582440211047576>
- Teece, D. J., Pisano, G., & Shuen, A. (1997). Dynamic capabilities and strategic management. *Strategic Management Journal*, 18(7), 509-533. [https://doi.org/10.1002/\(SICI\)1097-0266\(199708\)](https://doi.org/10.1002/(SICI)1097-0266(199708)).
- Utterback, J. M. (1994). Radical innovation and corporate regeneration. *Research-Technology Management*, 37(4), 10-12.
- Verhoef, P. C., Broekhuizen, T., Bart, Y., Bhattacharya, A., Dong, J. Q., Fabian, N., & Haenlein, M. (2021). Digital transformation: A multidisciplinary reflection and research agenda. *Journal of Business Research*, 122, 889-901. <https://doi.org/10.1016/j.jbusres.2019.09.022>
- Vial, G. (2019). Understanding digital transformation: A review and a research agenda. *The Journal of Strategic Information Systems*, 28(2), 118-144. <https://doi.org/10.1016/j.jsis.2019.01.003>

Ngày nhận bài: 12/01/2026

Ngày phản biện đánh giá và sửa chữa: 4/02/2026

Ngày chấp nhận đăng bài: 24/02/2026

ENTERPRISE INNOVATION CAPABILITIES IN THE CONTEXT OF DIGITAL TRANSFORMATION: CURRENT STATUS AND POLICY IMPLICATIONS

● NGUYEN NGOC ANH

Thuongmai University

ABSTRACT:

This study examines the theoretical foundations of digital transformation and innovation capacity, and evaluates the current state of innovation among Vietnamese enterprises in the context of the digital economy. The findings indicate that Vietnam's innovation ecosystem has undergone notable improvements in recent years. Nevertheless, structural challenges persist, including low levels of investment in research and development (R&D), limited participation of firms in innovation activities, and uneven progress in digital transformation across sectors. Overall, the study provides a comprehensive assessment of the opportunities and constraints shaping enterprise innovation capacity and highlights the key dynamics influencing competitiveness in Vietnam's evolving digital landscape.

Keywords: innovation capacity, digital transformation, businesses.